

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24A/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 30 - 3 - 2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh Th, sinh năm: 1994; Địa chỉ cư trú: Số 79, khu vực An Ph, phường Phú Th, quận Cái R, thành phố Cần Th. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1993; Địa chỉ cư trú: Ấp Phú B, thị trấn Mái D, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Thanh Th trình bày: Trước đây, ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2017. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu đầm ấm, hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, đời sống chung không thể hòa thuận, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2020, thì bà L bỏ gia đình đi đến nay, từ đó vợ chồng không còn liên hệ với nhau nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài và không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con chung tên Bùi Thành Đ (nam), sinh ngày: 04/02/2018. Hiện bé đang sống với ông. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bà L vẫn không đến Tòa án: Do bà L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà Liễu.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn ông Bùi Thanh Th và bà Nguyễn Thị L vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn ông Bùi Thanh Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và bà Liễu.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh Thuận; Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho ông Bùi Thanh Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị Liễu; Về con chung: Bùi Thành Đạt (nam), sinh ngày: 04/02/2018. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Th phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do hôn nhân không hạnh phúc nên ông Bùi Thanh Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Liễu, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Thanh Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và bà Liễu.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Bùi Thanh Th và bà Nguyễn Thị L xác lập quan hệ hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2017. Được Ủy ban nhân dân phường Phú Thứ, quận Cái Răng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017 ngày 27/02/2017 nên hôn nhân giữa ông Th và bà L được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa ông Th và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Liễu. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa ông Th và bà L nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, hai bên cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ đó ông Th và bà L đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án, ông Th đã được Tòa án phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên phía ông Th vẫn cương quyết xin ly hôn và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà Liễu. Về phía bị đơn bà L được triệu tập nhiều lần, cũng không liên hệ đến tòa án để được hòa giải hàn gắn quan hệ vợ chồng, cho thấy bà L cũng không trân trọng cuộc sống hôn nhân này. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Th xin ly hôn với bà L là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Bùi Thanh Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị Liễu.

[4] Về con chung: Ông Bùi Thanh Th và bà Nguyễn Thị L có một con chung tên Bùi Thành Đạt (nam), sinh ngày: 04/02/2018, từ khi bà L đi cháu Đạt vẫn sống chung với ông Thuận, được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông Th có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, có chỗ ở nên đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đạt đến khi trưởng thành đồng thời để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, cần ổn định cuộc sống hiện tại của cháu Đạt. Áp dụng: Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 9 năm 2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trường hợp tranh chấp quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi mà người mẹ tự ý bỏ đi từ khi con còn rất nhỏ, không quan tâm đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người con được người cha nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt và đã quen với điều kiện, môi trường sống đó. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Bùi Thành Đạt (nam), sinh ngày: 04/02/2018 cho ông Bùi Thanh Th tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi tròn 18 tuổi.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ

sở lợi ích của con chưa thành niên thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị L không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Thanh Th phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh Th về việc xin ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Liễu.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Bùi Thanh Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị Liễu.

4. Về con chung: Giao cháu Bùi Thành Đạt (nam), sinh ngày: 04/02/2018 cho ông Bùi Thanh Th tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi tròn 18 tuổi.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chưa thành niên thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị L không ai được quyền cản trở.

5. Về tài sản chung: Không có.

6. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Thanh Th phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010903 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Ông Th đã nộp xong.

8. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- UBND P.Phú Thứ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương